

Bản án số: 25/2024/HS-ST  
Ngày 26 - 3 - 2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Quý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Bích Hằng

Ông Tạ Văn Trần

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 13/8/2003 tại **thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nơi cư trú: **Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q** và bà **Tạ Thị Đ**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến ngày 08/02/2024 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh (có mặt).

2. **Hoàng Thanh T**, sinh ngày 11/9/2003 tại **thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nơi cư trú: **Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Sán Dìu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hoàng Văn S** và bà **Trương Thị L**; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân bị cáo: Tại Quyết định số 133 ngày 14/6/2019, **Công an huyện T** ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo đối với **T** về hành vi Cố ý gây thương tích.

Tại Quyết định số 121 ngày 13/12/2021, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về hành vi đánh nhau, mức phạt 375.000đ, T chưa nộp phạt, T không có hành vi trốn tránh hoặc trì hoãn việc nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2024 đến ngày 08/02/2024 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh (có mặt).

3. Trương Văn L1, sinh ngày 25/3/2002 tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Sán Diêu; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T1 và bà Tạ Thị L2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2024 đến ngày 08/02/2024 được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh (có mặt).

**Người bị hại:**

- Ông Trần Xuân N, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Anh Trần Duy K, sinh năm 1998; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**Người làm chứng:**

- Anh Hoàng Văn Q1, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Lê Văn P, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Anh Hoàng Văn L3, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 02/6/2023, Nguyễn Văn H cùng Trương Văn L1, Hoàng Văn Q1 và Lê Văn P, đều ở thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc cùng nhau đi đến bể bơi “Duy Khánh” của gia đình anh Trần Duy K ở tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để tắm. Tại đây, nhóm của H gặp và mua 04 vé bơi của bà Trần Thị H1 (là mẹ của anh K). Sau đó, Q1 và H xuống bể bơi tắm trước còn L1 và P đi thay quần áo. Khoảng 05 phút sau, Hoàng Thanh T và Hoàng Văn L3 cũng đến bể bơi “Duy Khánh” và đi vào bên trong khu vực bể bơi để nói chuyện với H mà không mua vé bơi. Thấy vậy, bà H1 đi đến yêu cầu T, L3 mua vé thì T bảo không tắm nên không mua vé. Sau đó, T và bà H1 xảy ra cãi chửi nhau. Lúc này, ông Trần Xuân N là chồng bà H1 đang đứng ở khu vực ghé đá gần đó thấy thế nên đi đến

đuôi và dùng tay đẩy **T** ra khỏi khu vực bể bơi, giữa **T** và ông **N** xảy ra giằng co, du đẩy nhau. Lập đang tắm dưới bể bơi thấy vậy nên đi lên bờ rồi chạy đến dùng tay đẩy ông **N** ra thì bị ông **N** dùng tay cào vào cổ thì bị **T**, **L1** dùng chân, tay đấm, đá nhiều phát vào người, vào mặt ông **N** làm ông **N** ngã ra đất. Lúc này, anh **K** là con trai ông **N** đang đứng ở gần bể bơi thấy bố mình bị **T**, **L1** đánh nên chạy vào nhà cầm 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, chiều dài khi rút ra 03 đoạn là 60cm, khi thu vào là 23cm, đường kính lớn nhất là 03 cm, nhỏ nhất là 01cm, chuôi cầm được bọc một lớp cao su màu đen chạy ra vệt 04 phát về phía Lập trúng vào vùng gáy, mu bàn tay phải, vai trái và cẳng tay trái của **L1**. Lúc này, **T**, **L1** xông vào dùng tay đấm liên tiếp nhiều phát vào mặt, mũi của anh **K**, **H** cũng đi từ dưới bể bơi lên bờ rồi xông đến dùng tay đấm nhiều phát vào mặt, mũi và người của **K**. Thấy anh **K** bị đánh, ông **N** cũng lao vào giằng co với nhóm của **H** thì bị **T**, **H**, **L1** dùng tay đấm nhiều phát vào mặt, đầu. Quá trình xô sát, **H** giằng được gậy rút của anh **K** rồi dùng gậy rút này vọt 02 - 03 phát vào người, vào đầu ông **N**, tiếp đó **H** dùng gậy rút vọt 01 phát vào đầu, 01 phát vào mang tai của anh **K** làm ông **N** và anh **K** bị rách da chảy máu. Khi thấy **H** giằng được gậy rút rồi đánh ông **N** và anh **K**, **L1** và **T** tiếp tục xông vào dùng chân tay không đấm, đá nhiều phát vào người, vào mặt ông **N** và anh **K**. Lúc này, bà **H1** chạy đến can ngăn thì bị **H** dùng tay đấm 01 phát vào đầu và dùng gậy rút vọt 01 phát trúng vào phần lưng bà **H1**. Sau đó, **P**, **L3**, **Q1** và những người có mặt ở khu vực bể bơi chạy vào can ngăn nên **H** ném bỏ gậy rút tại hiện trường rồi cùng **T**, **L1** bỏ trốn còn anh **K**, ông **N** bị thương được quần chúng nhân dân đưa đến Trung tâm y tế huyện **T** điều trị đến ngày 05/6/2023 ông **N** ra viện, ngày 07/6/2023 anh **K** ra viện.

Anh **K** đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, chiều dài khi rút ra 03 đoạn là 60cm, khi thu vào là 23cm, đường kính lớn nhất là 03 cm, nhỏ nhất là 01cm, chuôi cầm được bọc một lớp cao su màu đen.

Xác minh thương tích ban đầu xác định ông **Trần Xuân N**, bà **Trần Thị H1** và anh **Trần Duy K** có các thương tích: 1. Ông **N**: Có 01 vết rách da vùng đỉnh đầu dài 08cm, rộng 0,5cm; Vùng trán có vết thương rách da dài 04 cm, rộng 0,3cm chảy máu. 2. Bà **H1**: Chấn thương phần mềm vùng lưng, chấn thương mềm vùng đầu; 3. Anh **K**: Vùng đỉnh đầu có vết rách dài khoảng 05cm, rộng 0,5cm; vùng vành tai trái có vết rách da dài khoảng 03cm, rộng 02cm chảy máu; gãy xương mũi phải.

Xác minh thương tích ban đầu xác định **Trương Văn L1** có các thương tích: Mu bàn tay phải sưng, bầm tím; nhiều vết xây xước da vùng cổ lệch trái, kích thước (4 x 0,3)cm, vết xây xước da vùng vai trái, kích thước (2 x 0,2)cm, bầm tím nhẹ mặt sau cẳng tay trái.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 254 ngày 26/7/2023, **Trung tâm pháp y tỉnh V** kết luận về thương tích của ông **Trần Xuân N** như sau: “1. Các kết quả chính: Kết quả khám thương tích: Sẹo vết thương phần mềm vùng trán trái

kích thước nhỏ xếp 03%; Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu lệch trái kích thước trung bình xếp 02%; Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật tày có cạnh gây nên. 2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông **N** tại thời điểm giám định là 05%”.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 255 ngày 11/8/2023, **Trung tâm pháp y tỉnh V** kết luận về thương tích của anh **Trần Duy K** như sau: “1. Các kết quả chính: Kết quả khám giám định: Gãy xương mũi phải, vẹo vách ngăn mũi trái, xếp 08%; Sẹo vết thương phần mềm mặt trong vành tai trái xếp 02%; Sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh chẩm kích thước trung bình xếp 02%; Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật tày có cạnh gây nên. 2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương của **Trần Duy K** tại thời điểm giám định là 12%”.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 290 ngày 21/8/2023, **Trung tâm pháp y tỉnh V** kết luận về thương tích của **Trương Văn L1** như sau: “1. Các kết quả chính: Hiện tại kiểm tra trên cơ thể không để lại dấu vết thương tích gì xếp 00%. Hiện tại kiểm tra cơ thể không để lại dấu vết thương tích gì nên không xác định được cơ chế hình thành vết thương. 2. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương của **Trương Văn L1** tại thời điểm giám định là 00%”.

Đối với bà **Trần Thị H1** là người bị **Nguyễn Văn H** đánh gây thương tích, do thương tích nhẹ nên bà **H1** có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Đối với **Trần Duy K** có hành vi dùng gậy ba khúc bằng kim loại đánh **Trương Văn L1**, do thương tích của **L1** là 0%, **L1** không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với **K**, **Công an huyện T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **K** là đúng quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** đã thành khẩn khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKSTĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân **huyện T** truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thanh T** từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L4** từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm sự: Các bị cáo cùng gia đình bồi thường tiền chi phí thuốc men điều trị cho ông **Trần Xuân N** và anh **Trần Duy K**. Ông **N** và anh **K** đã nhận số tiền bồi thường và không có đề gì khác.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, chiều dài khi rút ra 03 đoạn là 60cm, khi thu vào là 23cm, đường kính lớn nhất là 03cm, nhỏ nhất là 01cm, chuôi cầm được bọc một lớp cao su màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa: Các bị cáo xin lỗi người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 02/6/2023, tại khu vực bể bơi nhà anh **Trần Duy K** ở **tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**, xuất phát từ việc **Hoàng Thanh T** đi vào khu vực bể bơi nhưng không mua vé bơi nên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau giữa **T** với bà **Trần Thị H1** và ông **Trần Xuân N**, thấy vậy nên **Trương Văn L1** chạy đến rồi cùng **T** dùng chân, tay đấm, đá nhiều phát vào người ông **N** làm ông **N** ngã ra đất. Thấy bố mình bị đánh nên anh **K** chạy vào nhà cầm 01 chiếc gậy rút bằng kim loại rồi chạy ra vụt nhiều phát vào người **L1**, thấy bạn mình bị đánh nên **Nguyễn Văn H** cũng chạy đến rồi cùng **L1**, **T** xông vào dùng chân, tay đấm đá nhiều phát vào người ông **N**, anh **K**. Quá trình xô sát, **H** giăng được gậy rút

của anh **K** rồi dùng gậy này vọt 02 phát trúng vào vùng đỉnh đầu, vùng trán trái ông **N**, tiếp đó **H** dùng gậy rút vọt 02 phát trúng vào vùng đỉnh đầu, vành tai trái anh **K**. Thấy **H** dùng gậy rút đánh ông **N** và anh **K**, **T** và **L1** tiếp tục xông vào dùng chân, tay không đâm, đá nhiều phát vào người, vào mặt ông **N**, anh **K** làm ông **N** bị thương tích 05%, anh **K** bị thương tích 12% theo Kết luận giám định thương tích.

[3] Hành vi nêu trên của **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

.... “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm: ...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”. Cụ thể thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều này là “dùng vũ khí”.

[4] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của **Nguyễn Văn H**, **Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến thân thể, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, lẽ ra các bị cáo phải hiểu và nhận thức được hậu quả nghiêm trọng từ hành động nguy hiểm của mình. Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ, các bị cáo đã không làm chủ được bản thân gây thương tích cho người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này **Nguyễn Văn H** là người có vai trò chính, trực tiếp dùng hung khí gây thương tích cho ông **N** và anh **K**. Còn **Hoàng Thanh T** và **Trương Văn L1** tham gia với vai trò đồng phạm tích cực thực hiện tội phạm. Do vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng sẽ xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của tội phạm, hậu quả xảy ra và nhân thân của bị cáo như: Tất cả các bị cáo đều là người dân tộc Sán Dìu, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, xuất phát từ hành vi cũng có lỗi của người bị hại dùng hung khí nguy hiểm đối với các bị cáo trước. Bị cáo **Nguyễn Văn H** là người dùng gậy đánh trực tiếp vào anh **K**, ông **N** và bà **H1**. **L1** và **T** là các đồng phạm giúp sức dùng chân tay để áp đảo đánh lại đối với những người bị hại. Đối với **Hoàng Thanh T** đã từng 02 lần bị xử phạt vi phạm hành chính: Năm 2019 bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo; năm 2012 bị xử phạt mức 350.000đồng nhưng cơ quan công an chưa giao được quyết định xử phạt cho **T** để thi hành, cho nên **T** không biết mình bị xử phạt vi phạm hành chính, **T** cũng không có hành vi trốn tránh, trì hoãn việc nộp phạt. Theo

quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020 thì không thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **T**.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường chi phí thuốc men chăm sóc sức khỏe cho người bị hại, người bị hại có đơn xin miễn, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo. Cho nên tất cả các bị cáo được áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, cần tạo cơ hội cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, người bị hại đều mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo và xin cho các bị cáo được tự cải tạo tại địa phương. Cho nên có thể áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để các bị cáo có cơ hội tự rèn luyện, giáo dục. Quan điểm về mức hình phạt xử lý vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo là có căn cứ phù hợp theo quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 21/3/2024 ông **Trần Xuân N** có đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, rút yêu cầu khởi tố đối với các bị cáo. Việc rút yêu cầu khởi kiện của ông **N** là hoàn toàn tự nguyện, các bị cáo gây thương tích cho ông **N** theo kết luận giám định tỷ lệ thương tật là 05%, của anh **K** là 12% nhưng hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự do dùng vũ khí, cho nên không căn cứ để đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 155 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đây chỉ là tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như đã đánh giá về tình tiết giảm nhẹ.

[7] Đối với bà **Trần Thị H1** là người bị **Nguyễn Văn H** đánh gây thương tích, do thương tích nhẹ nên bà **H1** có đơn từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

- Đối với **Trần Duy K** có hành vi dùng gậy ba khúc bằng kim loại đánh **Trương Văn L1**, do thương tích của **L1** là 0%, **L1** không có yêu cầu, đề nghị gì nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với **K**, **Công an huyện T** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **K**.

Đối với **Hoàng Văn Q1**, **Lê Văn P** và **Hoàng Văn L3** là người đi cùng **H**, **T** và **L1** đến bể bơi “Duy Khánh”, quá trình điều tra xác định **Q1**, **P**, **L3** không bàn bạc, trao đổi gì với **H**, **L1**, **T** trong việc đánh gây thương tích cho ông **N**, anh **K**, khi sự việc xảy ra **Q1**, **P**, **L3** đã có cử chỉ, hành động can ngăn các đối tượng nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với **Q1**, **P**, **L3** là có căn cứ.

[8] Vật chứng vụ án: 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, chiều dài khi rút ra 03 đoạn là 60cm, khi thu vào là 23cm, đường kính lớn nhất là 03cm, nhỏ nhất là 01cm, chuôi cầm được bọc một lớp cao su màu đen là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, **T, H, L1** cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho ông **N** 5.000.000đ, cho anh **K** 5.000.000đ, gồm các khoản: Viện phí, bồi dưỡng tổn hại sức khỏe, ông **N** và anh **K** đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu, đề nghị gì khác về bồi thường trách nhiệm dân sự.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo **Nguyễn Văn H, Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H, Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

-Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn H** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Thanh T** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt: Bị cáo **Trương Văn L1** 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo **Nguyễn Văn H, Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** cho **UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu 01 chiếc gậy rút bằng kim loại, chiều dài khi rút ra 03 đoạn là 60cm, khi thu vào là 23cm, đường kính lớn nhất là 03 cm, nhỏ nhất là 01cm, chuôi cầm được bọc một lớp cao su màu đen (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan công an với Chi cục thi hành án dân sự ngày 25 tháng 3 năm 2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo **Nguyễn Văn H, Trương Văn L1** và **Hoàng Thanh T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.



5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- Chi cục THA dân sự huyện Tam Đảo;
- Các bị cáo.
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Trần Thị Hồng Quý**